

Bài báo nghiên cứu

ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH HỌC LIỆU GIÁO DỤC DI SẢN CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**Huỳnh Văn Sơn¹, Nguyễn Linh Phong^{1*},
Phan Hữu Tài², Nguyễn Đắc Thanh¹, Trần Hồng Thắm³**

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Anh Quốc, Việt Nam

³Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Cần Thơ, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Nguyễn Linh Phong – Email: phongnl@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 08-7-2026; Ngày nhận bài sửa: 16-7-2026; Ngày duyệt đăng: 26-7-2026

TÓM TẮT

Nghiên cứu phân tích cơ sở lý luận và đề xuất mô hình học liệu giáo dục di sản cho học sinh, sinh viên tại Thành phố Cần Thơ nhằm góp phần làm rõ cơ sở lý luận về định hướng kết nối giữa nhận thức và hành động bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa của người học và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Thông qua phương pháp nghiên cứu dựa trên thiết kế, tiến hành phân tích đặc điểm các di tích lịch sử văn hóa địa phương kết hợp với các lý thuyết về học tập song hành, học tập qua dự án và quản lý di sản dựa vào cộng đồng. Kết quả nghiên cứu đã xây dựng mô hình vận hành qua ba trụ cột nền tảng. Thứ nhất là chuẩn hóa nội dung theo mục tiêu học tập định lượng và tích hợp vào chương trình giáo dục chính khóa; thứ hai là phát triển hệ sinh thái học liệu số đa phương tiện bao gồm thực tế ảo, thực tế tăng cường và trò chơi kỹ thuật số nhằm tối ưu hóa động lực của người học; thứ ba là thiết lập cơ chế đồng kiến tạo liên ngành giữa nhà trường, cơ quan quản lý di sản và đơn vị công nghệ. Mô hình này gợi mở các giải pháp khoa học, góp phần đưa người học dần trở thành chủ thể đồng kiến tạo giá trị di sản, qua đó vừa thu hẹp khoảng cách giữa nhận thức và hành vi, vừa tạo nền tảng phát triển du lịch văn hóa bền vững trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: mô hình học liệu; Cần Thơ; nghiên cứu dựa trên thiết kế (DBR); giáo dục di sản

1. Giới thiệu

Trong chiến lược phát triển bền vững toàn cầu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản không còn đơn thuần là công tác duy trì nguyên trạng các thực thể vật chất, mà đã đổi sang xu hướng tích hợp vào hệ thống giáo dục toàn diện người học (Dobrovolska et al, 2025). Giáo dục di sản đóng vai trò là mạch nguồn định hình tri thức lịch sử, bồi đắp các giá trị đạo đức xã hội và nâng cao năng lực tự nhận thức văn hóa của thế hệ trẻ trong bối cảnh toàn cầu hóa (Kisler, 2026). Việc tiếp cận di sản từ góc độ sư phạm hiện đại đòi hỏi một quy trình đánh giá khoa học các chương trình trải nghiệm nhằm tối ưu hóa tính liên kết giữa cá nhân, cộng đồng và các định chế văn hóa (Fontal & Gómez-Redondo, 2016). Song song đó, bảo tồn di

Cite this article as: Huynh, V. S., Nguyen, L. P., Phan, H. T., Nguyen, D. T., & Tran, H. T. (2026). A proposed model of heritage education learning materials for school and university students in Can Tho City. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(8), 1898-1908. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.8.5924\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.8.5924(2026))

sản bền vững thông qua không gian giáo dục bảo tàng, di tích đang đặt ra những yêu cầu cấp bách về việc định hình tầm nhìn tương lai, giúp người học chủ động ứng phó và thích ứng với các biến động văn hóa – xã hội đương đại (Logan & Sutter, 2012).

Sự bùng nổ của kĩ nguyên số và các công nghệ mới đã mở ra không gian tương tác đột phá, cho phép cá nhân hóa, định vị và bối cảnh hóa trải nghiệm học tập di sản vượt ra khỏi ranh giới lớp học truyền thống (Rizvic, 2019; Mendoza et al., 2015). Đáng chú ý, các phương thức học tập song hành (Bichronous Modes) – kết hợp linh hoạt giữa trò chơi số nhập vai bất đồng bộ và các buổi thảo luận trực tuyến đồng bộ dựa trên mô hình động lực ARCS – đã chứng minh hiệu quả trong việc kích hoạt động lực học tập nội sinh và thúc đẩy ý định hành vi bảo tồn bền vững của người học (Guo, 2025). Để đo lường chính xác các tác động tâm lí này trong môi trường kĩ thuật số, các công cụ số hóa tiên tiến như khung đánh giá Q-Herilearn kết hợp với lí thuyết phản hồi câu hỏi (IRT) đã được thiết lập, cung cấp cơ sở dữ liệu định lượng cho các nhà thiết kế chương trình (Baker & Kim, 2017; Fontal et al., 2024). Đồng thời, các mô hình học tập dựa trên dự án hướng đến sức chống chịu của cộng đồng – Mô hình Histoease (Marques, 2025) và quản lí tài nguyên văn hóa dựa vào cộng đồng – Mô hình Cobachrem (Keitumetse, 2014) đang là các gợi ý lí tưởng cho các thiết kế giáo dục tích hợp phát triển không gian du lịch và giáo dục di sản cho người học (Richards, 2020).

Tại Việt Nam, nghiên cứu về việc đưa giá trị di sản vào công tác giáo dục văn hóa truyền thống cho học sinh, sinh viên đã và đang nhận được sự quan tâm sâu rộng từ giới khoa học (Nguyen & Do, 2024; Nguyen, 2017). Xu hướng ứng dụng công nghệ thực tế ảo tăng cường (AR) trong tổ chức hoạt động trải nghiệm học tập lịch sử bước đầu đã chứng minh được tính hiệu quả trong việc kích thích tư duy và tăng cường khả năng hấp thụ tri thức của người học thế hệ trẻ (Nguyen et al., 2024). Tuy nhiên, các phân tích thực chứng chuyên sâu thông qua công cụ thống kê hiện đại (The Jamovi project, 2024) đã chỉ ra một vấn đề lớn, mặc dù học sinh, sinh viên Việt Nam sở hữu mức độ nhận thức nền tảng vững chắc và có thái độ rất tích cực đối với di sản, song khả năng chuyển hóa các giá trị tâm lí này thành hành vi bảo vệ thực tiễn tại các di tích vẫn còn khá hạn chế (Nguyen et al., 2024). Sự tồn tại của “khoảng cách hành vi” này xuất phát từ việc thiếu một hệ thống học liệu giáo dục chuẩn hóa, có tính liên ngành và khả năng tương tác cao. Việc vận dụng các khung lí thuyết bền vững quốc tế vào hệ thống di tích lịch sử – văn hóa tại Việt Nam vẫn đang dừng lại ở dạng sơ khởi, chưa tạo được mô hình đồng bộ (Vu & Nguyen, 2024).

Là trung tâm kinh tế – giáo dục của vùng đồng bằng sông Cửu Long, thành phố Cần Thơ sở hữu hệ thống tài nguyên văn hóa phong phú với 36 di tích lịch sử – văn hóa đã được xếp hạng, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước Nam Bộ (Can Tho City People's Committee, 2026). Trước yêu cầu chuyển đổi số toàn diện của ngành giáo dục địa phương, việc tìm kiếm một giải pháp liên ngành kết hợp giữa công nghệ, nghệ thuật và thiết kế học liệu là cấp thiết nhằm đưa di sản thành động lực nội sinh cho thế hệ trẻ (Bui, 2025). Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này vận dụng phương pháp nghiên cứu dựa trên thiết kế nhằm đề xuất Mô hình học liệu giáo dục di sản tại thành phố Cần Thơ. Mô hình được kì vọng sẽ góp phần giải quyết khoảng trống giữa nhận thức và hành vi của học sinh, sinh viên, đồng thời cung cấp

một khung giải pháp khả thi, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản lịch sử – văn hóa gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững của địa phương.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với cách tiếp cận nghiên cứu dựa trên thiết kế (Design-Based Research - DBR). Phương pháp DBR phù hợp trong lĩnh vực khoa học giáo dục vì mục tiêu cốt lõi không chỉ dừng lại ở việc khám phá lý thuyết mà còn hướng tới việc giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua quá trình thiết kế, phát triển và đề xuất các mô hình, môi trường học tập mới (Marques, 2025). Chu trình DBR tiêu chuẩn thường được vận hành qua các giai đoạn liên hoàn. Bài viết này tập trung trình bày kết quả của hai giai đoạn đầu tiên. Cụ thể, Giai đoạn 1 - Phân tích bối cảnh, được thực hiện nhằm nhận diện các khoảng trống thực tiễn, những vấn đề trong công tác giáo dục di sản tại địa phương hiện nay. Kế tiếp, Giai đoạn 2 – Thiết kế mô hình giải pháp, được triển khai để thiết lập khung khái niệm dựa trên các nguyên lý giáo dục tiên tiến và cấu trúc hóa các thành tố nhằm đề xuất một mô hình học liệu giáo dục di sản đặc thù cho không gian Cần Thơ. Việc thử nghiệm thực địa và đánh giá hiệu quả của mô hình, tức là Giai đoạn 3, không nằm trong phạm vi của bài viết này mà được định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo.

Để phục vụ mục tiêu của Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 trong chu trình DBR, nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp được thu thập thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu từ hai nguồn trọng tâm: Dữ liệu bối cảnh địa phương: Thu thập và rà soát các báo cáo, kỷ yếu khoa học của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (2026). Các tài liệu này cung cấp thông tin về đặc điểm cấu trúc của 36 di tích lịch sử – văn hóa trên địa bàn, định hướng giáo dục của thành phố đối với đối tượng học sinh, sinh viên, những vấn đề trong hệ thống tài liệu giáo dục ngoại khóa truyền thống hiện nay; Dữ liệu lý thuyết nền tảng: Thu thập có chọn lọc các công trình nghiên cứu quốc tế về giáo dục di sản. Trọng tâm thu thập hướng đến các tài liệu phân tích về khung sư phạm định hướng công nghệ (Mendoza et al., 2015), hiệu quả của phương thức học tập song hành tích hợp trò chơi số (Guo, 2025), quy trình thiết kế dự án học tập gắn liền với cộng đồng (Marques, 2025) và các tiêu chuẩn đánh giá chương trình giáo dục hòa nhập (Fontal & Gómez-Redondo, 2016).

Trong bước thiết kế giải pháp, dữ liệu lý thuyết và thực tiễn sau khi thu thập được xử lý thông qua phương pháp phân tích, tổng hợp. Kỹ thuật phân tích nội dung được áp dụng để làm rõ các nguyên lý sư phạm từ các mô hình quốc tế, nhằm đánh giá mức độ tương thích và khả năng chuyển giao vào điều kiện thực tiễn tại Việt Nam. Tiếp đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp mô hình hóa để chuyển hóa các nội dung lý luận thành một cấu trúc thiết kế học liệu mang tính hệ thống. Phương pháp này cho phép liên kết mối quan hệ biện chứng giữa ba trụ cột: chuẩn hóa mục tiêu học tập, phát triển hệ sinh thái đa phương tiện và thiết lập cơ chế đồng kiến tạo liên ngành. Kết quả của phương pháp mô hình hóa vừa đóng góp vào khung lý luận chung, vừa trực tiếp tạo ra bộ tiêu chí định hướng để xây dựng kịch bản học liệu thực tế cho các di tích tại Cần Thơ.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Khung lý thuyết và cấu trúc tổng quát của Mô hình Học liệu giáo dục di sản cho học sinh, sinh viên tại thành phố Cần Thơ

Mô hình Học liệu giáo dục di sản được xây dựng như một hệ thống giải pháp sư phạm tổng thể nhằm tối ưu hóa quá trình tiếp thu tri thức lịch sử và hình thành năng lực hành động cho người học. Khung lý thuyết của mô hình được thiết lập dựa trên sự tích hợp biện chứng giữa các lý thuyết tâm lý học giáo dục và các mô hình quản lý, giáo dục di sản hiện đại trên thế giới, hướng đến việc giải quyết khoảng cách giữa nhận thức lý thuyết và hành vi thực tiễn của người học trong bối cảnh thực tế (Nguyen et al., 2024).

Trọng tâm của mô hình là cơ chế tác động tâm lý theo chu trình tuyến tính từ nhận thức sang thái độ và chuyển hóa thành hành vi thực tiễn. Hệ thống học liệu giáo dục di sản đóng vai trò là phương tiện chuyển hóa các dữ kiện lịch sử, văn hóa, các giá trị kiến trúc nghệ thuật của hệ thống di tích tại Cần Thơ thành các biểu tượng vật chất trực quan và có tính tương tác cao. Khi tri thức di sản được bối cảnh hóa và cá nhân hóa thông qua các định dạng học liệu phù hợp, người học sẽ hình thành xúc cảm lịch sử và niềm tự hào đối với cội nguồn địa phương. Sự thay đổi về mặt nhận thức này là tiền đề để thiết lập thái độ tôn trọng, từ đó định hình và duy trì các hành vi chủ động trong việc tham gia bảo tồn, phát huy giá trị di sản trong đời sống đương đại.

Để đảm bảo tính bền vững, mô hình vận dụng các nguyên lý của mô hình Quản lý nguồn lực di sản văn hóa dựa vào cộng đồng Cobachrem (Keitumetse, 2014). Theo tiếp cận này, học sinh, sinh viên và cộng đồng dân cư địa phương tại Cần Thơ không phải là đối tượng thụ hưởng thụ động mà được định vị là chủ thể trực tiếp nắm giữ, bảo tồn và tái kiến tạo các giá trị di sản. Hệ thống học liệu được thiết kế nhằm kích hoạt mối liên kết giữa không gian trường học và không gian di sản thực địa, đưa tài nguyên văn hóa thành công cụ phát triển năng lực nội sinh của cộng đồng (Keitumetse, 2014). Đồng thời, cấu trúc học liệu tuân thủ các tiêu chuẩn giáo dục hòa nhập của mô hình Hem - Inmo, coi bảo tàng và không gian di tích là những môi trường học tập mở, linh hoạt, có khả năng đáp ứng nhu cầu và đặc điểm đa dạng của mọi đối tượng người học trong xã hội tri thức (Fontal & Gómez-Redondo, 2016).

Bên cạnh đó, phương thức tổ chức nội dung và hoạt động học tập trong mô hình được định hình bởi mô hình học tập qua dự án Histoese (Marques, 2025). Học liệu giáo dục di sản không tồn tại dưới dạng tài liệu thuyết minh một chiều mà được cấu trúc hóa thành các nhiệm vụ học tập, các dự án nghiên cứu và khám phá thực địa. Tiếp cận này đòi hỏi người học cần chủ động vận dụng tư duy phản biện, năng lực đọc hiểu di sản và kỹ năng giải quyết vấn đề để hoàn thành các sản phẩm học tập gắn liền với bối cảnh thực tế của địa phương. Việc tích hợp mô hình Histoese giúp nâng cao ý thức lịch sử, phát triển năng lực tự chủ của học sinh, sinh viên, đồng thời tăng cường khả năng thích ứng của cộng đồng trước các thách thức xã hội (Marques, 2025). Thông qua sự tích hợp đa chiều này, Mô hình Học liệu giáo dục di sản cho học sinh, sinh viên tại thành phố Cần Thơ góp phần bổ sung nền tảng lý thuyết, định hướng cho việc triển khai các thành tố công nghệ và cơ chế vận hành ở nội dung tiếp theo.

3.2. Mô hình Học liệu Giáo dục di sản cho học sinh, sinh viên tại thành phố Cần Thơ

Mô hình được thiết kế gồm ba nội dung trụ cột có mối quan hệ hữu cơ, nhằm cụ thể hóa khung lý thuyết thành các hành động giáo dục thực tiễn, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới giáo dục di sản tại địa phương. Mô hình minh họa tại Hình 1.



Hình 1. Minh họa mô hình Học liệu Giáo dục di sản cho học sinh, sinh viên

Một là, chuẩn hóa cấu trúc nội dung theo mục tiêu dựa trên nguyên tắc SMART và xây dựng chương trình giáo dục tích hợp.

Việc xây dựng học liệu đòi hỏi bắt đầu từ khâu xác lập mục tiêu học tập theo nguyên tắc SMART, có tính cụ thể, đo lường được, khả thi, tương thích và có định hạn thời gian. Việc áp dụng tiêu chí này giúp các nhà giáo dục định lượng hóa kết quả đầu ra đối với từng nhóm người học, qua đó khắc phục được tình trạng tổ chức tham quan di tích mang tính hình thức, thiếu chiều sâu. Về mặt cấu trúc, nội dung học liệu được phân tầng theo năng lực nhận thức và tích hợp trực tiếp vào ba không gian giáo dục trọng điểm: chương trình giáo dục địa phương với các chủ đề về văn hóa, lịch sử vùng đất Cần Thơ, các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các đợt sinh hoạt chuyên đề chính trị – xã hội của tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên.

Hai là, phát triển hệ sinh thái học liệu số đa phương tiện theo chế độ song hành.

Dựa trên khung lý thuyết về ứng dụng công nghệ mới nổi của Mendoza và cộng sự (2015), học liệu giáo dục di sản tại Cần Thơ cần được phát triển thành một hệ sinh thái số hóa, từng bước giải quyết các rào cản về ranh giới địa lý và thời gian. Mô hình áp dụng phương thức thiết kế theo chế độ song hành, kết hợp chặt chẽ giữa học tập bất đồng bộ và đồng bộ nhằm tối ưu hóa động lực của học sinh (Guo, 2025).

Trong giai đoạn bất đồng bộ, người học tương tác với các học liệu số như không gian thực tế ảo (VR) tái hiện kiến trúc di tích, các trò chơi kỹ thuật số mô phỏng quá trình phục dựng di sản và hệ thống mã QR định danh phục vụ tra cứu thông tin tự động. Chuyển sang giai đoạn đồng bộ, học liệu bao gồm các bài giảng trực tuyến, các phiên thảo luận cùng chuyên gia, nhân chứng, báo cáo viên và các phiếu bài tập tương tác trực tiếp tại thực địa (Guo, 2025). Toàn bộ quá trình tiếp nhận tri thức số của người học được đo lường và đánh giá năng lực thông qua các công cụ định lượng chuẩn hóa, tiêu biểu như khung Q-Herilearn, cho phép đánh giá chính xác sự tiến bộ trong nhận thức về di sản trên môi trường kỹ thuật số (Fontal et al., 2024).

Ba là, thúc đẩy cơ chế vận hành thông qua sự phối hợp đồng kiến tạo liên ngành

Để hệ thống học liệu đi vào thực tiễn và đảm bảo tính khoa học, quy trình thiết kế không thể được thực hiện đơn lẻ từ phía các cơ sở giáo dục mà đòi hỏi một cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ (Marques, 2025). Mô hình tại Cần Thơ đề xuất thiết lập các tổ công tác đồng kiến tạo bao gồm ba nhóm chủ thể cốt lõi: (1) Đại diện các trường học với giáo viên, giảng viên chịu trách nhiệm về mục tiêu và nội dung, phương pháp giáo dục; (2) Cơ quan

quản lý di sản như Bảo tàng Cần Thơ, Ban quản lý các di tích, đóng vai trò cung cấp, giám định và xác thực các tư liệu lịch sử, văn hóa gốc; (3) Các đơn vị công nghệ và chuyên gia truyền thông đảm nhận việc số hóa dữ liệu và tối ưu hóa trải nghiệm tương tác của người dùng. Sự hợp tác đa bên này đảm bảo hệ thống học liệu đạt được tính chuẩn mực về học thuật, độ chính xác về sử liệu, tính hấp dẫn về công nghệ, đồng thời gắn kết hữu cơ với các chiến lược phát triển du lịch văn hóa bền vững của thành phố.

Nhằm chứng minh tính khả thi và hiện thực hóa các lập luận lý thuyết, Mô hình Học liệu giáo dục di sản đề xuất được cụ thể hóa thông qua một nghiên cứu minh họa tại Di tích Kiến trúc Nghệ thuật Quốc gia Đình Bình Thủy, thành phố Cần Thơ – một biểu tượng văn hóa tâm linh và kiến trúc đặc sắc của vùng sông nước Nam Bộ. Việc áp dụng mô hình vào di tích này được cấu trúc hóa toàn diện thông qua các nội dung cụ thể tại Bảng 1.

Bảng 1. Minh họa ứng dụng Mô hình Học liệu giáo dục di sản tại Đình Bình Thủy

Trụ cột của mô hình	Nội dung cốt lõi	Giải pháp ứng dụng thực địa tại Di tích Đình Bình Thủy
Trụ cột 1: Chuẩn hóa cấu trúc nội dung theo mục tiêu về Nhận thức – dựa trên nguyên tắc SMART và xây dựng chương trình giáo dục tích hợp	Xác lập mục tiêu – Mục tiêu theo nguyên tắc SMART: Người học nhận diện được 5 đặc trưng kiến trúc nghệ thuật giao thoa Pháp – Hoa – Việt tại Đình; lí giải được ý nghĩa của lễ hội Kì yên; và định hình được một hành động bảo tồn cụ thể.	Thiết kế thành một mô-đun học tập thời lượng 4 tiết trong nội dung Chủ đề di tích lịch sử – văn hóa địa phương thuộc chương trình Giáo dục địa phương cấp Trung học phổ thông tại Cần Thơ.
Trụ cột 2: Phát triển hệ sinh thái học liệu số đa phương tiện theo chế độ song hành.	- Kết hợp trò chơi kỹ thuật số bất đồng bộ và thảo luận đồng bộ. - Đánh giá năng lực qua Khung số hóa Q-Herilearn.	- Giai đoạn bắt đầu: Người học tham gia trò chơi số nhập vai mang tên “Ký ức Đình Bình Thủy”, giải các câu đố để khám phá hệ thống bao lam, hoành phi, câu đối được chạm khắc gỗ tinh xảo, hoặc tìm hiểu về các nhân vật lịch sử được thờ tự như Nguyễn Trung Trực, Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. - Tích hợp không gian thực tế ảo (VR360) cho phép tương tác trực quan với các hiện vật tại chính điện. - Giai đoạn đồng bộ: Tổ chức buổi học kết nối trực tuyến hoặc tương tác thực địa ảo, nơi giảng viên hệ thống hóa tri thức và kích hoạt xúc cảm lịch sử thông qua thảo luận nhóm. - Đánh giá: Ứng dụng khung Q-Herilearn để thiết kế bài kiểm tra số, đo lường sự dịch chuyển từ việc ghi nhớ tri thức lịch sử đến sự hình thành ý định hành vi bảo vệ di tích.
Trụ cột 3: Cơ chế vận hành thông qua sự phối hợp đồng kiến tạo liên ngành	- Phối hợp giữa Nhà trường – Cơ quan quản lý – Doanh nghiệp công nghệ. - Học tập qua dự án – Histoease.	- Mô hình Histoease: Học sinh, sinh viên tham quan kết hợp hoạt động theo nhóm dự án để xây dựng các “sản phẩm di sản”. - Cơ chế vận hành: Ban quản lý di tích Đình Bình Thủy cung cấp nguồn tư liệu số văn bản chuẩn xác và hỗ trợ không gian khảo sát; các chuyên gia công nghệ hỗ trợ nền tảng kỹ thuật. Học sinh tiến hành thu âm các câu chuyện kể dân gian về đình làng, chụp ảnh tư liệu và trực tiếp biên tập nội dung để tạo thành hệ thống mã QR thông tin đa ngôn ngữ. Hệ thống mã này sau đó được thẩm định và gắn trực tiếp tại các hạng mục của Đình để phục vụ khách du lịch.

Việc bối cảnh hóa mô hình lí thuyết vào không gian văn hóa của Đình Bình Thủy cho thấy hệ thống học liệu giáo dục di sản được cụ thể hóa vừa là công cụ chuyển tải tri thức, vừa trở thành một hệ sinh thái động. Ở đó, giá trị của di tích kiến trúc được tái khám phá thông qua góc nhìn công nghệ của thế hệ trẻ, tạo động lực thúc đẩy hành vi bảo tồn di sản chủ động trong thực tế.

3.3. Định hướng triển khai Mô hình Học liệu giáo dục di sản cho học sinh, sinh viên tại thành phố Cần Thơ

Để chuyển hóa các nội dung chính và cấu trúc hệ sinh thái số thành kết quả thực tiễn, việc vận hành Mô hình Học liệu giáo dục di sản tại thành phố Cần Thơ cần được triển khai đồng bộ, phổ biến trong thực tế với một số định hướng có thể quan tâm như sau:

Định hướng thứ nhất: Kịch bản hóa sự phạm và thiết kế tiến trình học tập trải nghiệm. Vận hành mô hình đòi hỏi các nhà giáo dục phối hợp với các chuyên gia di sản tiến hành “kịch bản hóa sự phạm” toàn bộ hệ thống tư liệu lịch sử của 36 di tích trên địa bàn thành phố. Nội dung học liệu không truyền tải dưới dạng dữ liệu tĩnh mà được cấu trúc thành hệ thống các nhiệm vụ phức hợp gắn liền với phương pháp học tập qua dự án của mô hình Histoease (Marques, 2025). Tiến trình trải nghiệm được thiết kế theo ba bước liên hoàn: chuẩn bị trước thực địa – tra cứu học liệu số bất đồng bộ, tương tác tại di tích – thực hiện nhiệm vụ đọc hiểu di sản, phỏng vấn nhân chứng, ghi nhận hiện vật và tổng hợp sau thực địa – xây dựng báo cáo, thuyết trình hoặc sáng tạo các sản phẩm văn hóa. Phương pháp này giúp phát triển ý thức lịch sử và năng lực tự chủ của học sinh, sinh viên khi tiếp cận trực tiếp với các nguồn sử liệu địa phương.

Định hướng thứ hai: Đồng bộ hóa công nghệ tương tác số và chuẩn hóa công cụ kiểm tra, đánh giá năng lực. Việc ứng dụng công nghệ trong mô hình tuân thủ khung lí thuyết về công nghệ mới nổi của Mendoza và cộng sự (2015), tập trung vào tính bối cảnh hóa và cá nhân hóa trải nghiệm học tập. Học liệu số được vận hành đồng bộ trên nền tảng di động, cho phép học sinh, sinh viên sử dụng công nghệ thực tế tăng cường để tái hiện không gian kiến trúc nguyên bản của di tích ngay tại thực địa. Nhằm tối ưu hóa động lực học tập theo mô hình ARCS, trình tự tương tác được tổ chức theo chế độ song hành: người học tiếp cận trò chơi kĩ thuật số bất đồng bộ trước khi tham gia các hoạt động thảo luận đồng bộ (Guo, 2025). Chu trình này kích thích nhu cầu khám phá tự thân và định hình ý định hành vi bảo tồn di sản bền vững của người học. Song song với quá trình tương tác, năng lực nhận thức và kết quả học tập được đo lường một cách khách quan thông qua khung đánh giá số Q-Herilearn, đảm bảo tính chuẩn mực trong việc theo dõi và điều chỉnh tiến trình sự phạm (Fontal et al., 2024).

Định hướng thứ ba: Tích hợp giáo dục di sản với phát triển du lịch văn hóa bền vững dựa vào cộng đồng. Định hướng này cụ thể hóa nguyên lí của mô hình Cobachrem, xem di sản văn hóa là nguồn lực nội sinh để phát triển bền vững xã hội (Keitumetse, 2014). Học liệu giáo dục di sản tại Cần Thơ được định hướng phục vụ mục tiêu học thuật nội bộ trong nhà trường, hướng đến tạo ra các sản phẩm truyền thông di sản có giá trị ứng dụng thực tế. Học sinh, sinh viên sau khi hoàn thành các dự án học tập sẽ trực tiếp đóng góp vào việc làm phong phú thêm hệ thống dữ liệu số của di tích thông qua các sản phẩm tự thiết kế như video thuyết minh, bản đồ di sản số hóa hoặc kịch bản trò chơi tương tác. Cơ chế này biến người

học thành những chủ thể mang di sản, đóng vai trò cầu nối gắn kết không gian giáo dục với cộng đồng dân cư địa phương và ngành du lịch văn hóa của thành phố, tạo động lực thúc đẩy sự phục hồi và phát triển bền vững của không gian di sản văn hóa vùng sông nước.

3.4. Thảo luận

3.4.1. Ý nghĩa của mô hình trong việc giải quyết khoảng cách giữa nhận thức và hành vi

Kết quả xây dựng Mô hình Học liệu giáo dục di sản tại thành phố Cần Thơ đã cung cấp một giải pháp sư phạm mang tính hệ thống nhằm giải quyết một số vấn đề của công tác giáo dục di sản hiện nay. Cụ thể là khoảng cách giữa nhận thức, thái độ tích cực và hành vi bảo vệ thực tiễn của người học. Chẳng hạn, người học đạt điểm số rất cao về nhận thức ý nghĩa di sản và có thái độ tôn trọng, nhưng mức độ sẵn sàng chuyển hóa thành hành vi bảo vệ thực tế lại còn hạn chế.

Mô hình định tính dựa trên thiết kế (DBR) được đề xuất trong nghiên cứu này đã trực tiếp tối ưu hóa hai yếu tố dự báo quan trọng. Thay vì tiếp tục giáo dục theo phương thức một chiều thường xuyên – vốn chủ yếu dừng lại ở việc tác động vào tầng nhận thức bề nổi, hệ thống học liệu tại Cần Thơ chuyển trọng tâm sang việc bối cảnh hóa và cá nhân hóa trải nghiệm. Thông qua việc tích hợp lí thuyết chu trình từ nhận thức, thái độ đến hành vi, mô hình thiết lập một chu trình trải nghiệm liên tục. Khi người học được tương tác với hệ thống học liệu số và trực tiếp tham gia vào các dự án học tập gắn liền với 36 di tích địa phương, giá trị di sản không còn là một khái niệm trừu tượng trong sách giáo khoa, tài liệu mà trở thành một thực thể gần gũi, gắn liền với bản sắc cá nhân. Từ đó, thái độ của người học được thúc đẩy từ trạng thái tôn trọng thụ động sang cam kết chủ động, tạo tiền đề vững chắc cho sự hình thành các hành vi bảo tồn di sản bền vững trong thực tế.

3.4.2. Tính đổi mới của việc tích hợp công nghệ và cơ chế đồng kiến tạo liên ngành

Sự phát triển của hệ sinh thái học liệu số trong mô hình này thể hiện bước tiến quan trọng so với các phương thức giáo dục truyền thống nhờ vận dụng hiệu quả các khung lí thuyết công nghệ hiện đại. Việc áp dụng phương thức học tập song hành kết hợp giữa trò chơi số bất đồng bộ và các khóa học đồng bộ (Guo, 2025) đã giải quyết được bài toán về mặt động lực và hiệu quả tiếp thu tri thức. Trình tự này, tương thích với khung công nghệ mới nổi của Mendoza và cộng sự (2015), cho phép người học chủ động khám phá di sản trong không gian ảo trước khi bước vào các thảo luận chuyên sâu hoặc tương tác thực địa. Hơn thế nữa, việc đo lường năng lực không còn mang tính cảm tính mà được chuẩn hóa thông qua khung đánh giá số Q-Herilearn (Fontal et al, 2024), mang lại tính khoa học và độ tin cậy cao cho tiến trình sư phạm trên môi trường kĩ thuật số.

Bên cạnh khía cạnh công nghệ, đóng góp về mặt thực tiễn của mô hình nằm ở việc xác lập cơ chế “đồng kiến tạo” liên ngành, tham khảo từ mô hình quản lí nguồn lực dựa vào cộng đồng Cobachrem (Keitumetse, 2014) và mô hình học tập dự án Histoese (Marques, 2025). Khác với các tài liệu ngoại khóa được soạn tĩnh, mô hình này đòi hỏi sự ràng buộc trách nhiệm giữa nhà trường, cơ quan quản lí di sản văn hóa và các đơn vị công nghệ. Sự dịch chuyển này đưa học sinh, sinh viên từ vị thế những du khách tham quan thụ động thành những “chủ thể đồng sáng tạo” nội dung di sản. Ý nghĩa xã hội của mô hình vì vậy vượt ra

ngoài phạm vi một bài học lịch sử truyền thống, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu nâng cao năng lực tự chủ và tự học, khả năng thích ứng của cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho du lịch văn hóa vùng sông nước Cần Thơ.

3.4.3. Hạn chế của nghiên cứu và định hướng triển khai nghiên cứu trong tương lai

Mặc dù thiết lập được một khung lý thuyết và gợi ý vận hành cụ thể, nghiên cứu này cần tiếp tục hoàn thiện. Do bản chất của giai đoạn đầu trong quy trình nghiên cứu dựa trên thiết kế (DBR) tập trung chủ yếu vào phân tích bối cảnh, rà soát tài liệu thứ cấp và mô hình hóa lý thuyết, mô hình đề xuất hiện tại chưa được tiến hành thực nghiệm trên diện rộng với dữ liệu sơ cấp tại các trường phổ thông và đại học trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Do đó, mức độ tương thích hoàn toàn của các định dạng học liệu số (như AR, VR, Digital games) đối với hạ tầng công nghệ và năng lực số của giáo viên tại từng cơ sở giáo dục đặc thù vẫn là một câu hỏi cần được kiểm chứng thông qua dữ liệu thực tế.

Từ hạn chế đó, định hướng nghiên cứu tiếp theo sẽ tập trung vào việc triển khai chu trình thứ hai và thứ ba của phương pháp DBR. Nghiên cứu sẽ tiến hành xây dựng kịch bản học liệu thực tế cho một nhóm di tích lịch sử – văn hóa tiêu biểu tại Cần Thơ, ví dụ như Đền thờ Vua Hùng, Khám lớn Cần Thơ hoặc Chùa Ông, sau đó tiến hành tổ chức dạy học thực nghiệm đối với các nhóm đối tượng học sinh, sinh viên cụ thể. Các dữ liệu thực tế như phỏng vấn sâu, quan sát tiến trình học tập và khảo sát đánh giá năng lực qua khung Q-Herilearn sẽ được thu thập đồng thời nhằm đánh giá chính xác tác động thực tế của mô hình, làm cơ sở cho việc hiệu chỉnh, hoàn thiện và tiến tới chuyển giao hệ thống học liệu giáo dục di sản cho ngành giáo dục địa phương.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã vận dụng phương pháp nghiên cứu dựa trên thiết kế để xây dựng, đề xuất Mô hình Học liệu giáo dục di sản cho học sinh, sinh viên tại thành phố Cần Thơ, mang lại những đóng góp khoa học về mặt lý luận và thực tiễn. Bằng cách thay đổi từ tiếp cận định lượng mô tả sang định tính kiến tạo giải pháp, mô hình đã góp phần giải quyết “khoảng cách hành vi” trong giáo dục di sản hiện nay thông qua một chu trình giáo dục tác động liên tục từ việc nâng cao nhận thức giá trị, thay đổi thái độ đến định hình hành vi chủ động bảo tồn bền vững của người học. Tính đổi mới của nghiên cứu được thể hiện qua việc phát triển hệ sinh thái học liệu số đa phương tiện vận hành theo chế độ song hành, kết hợp với cơ chế phối hợp “đồng kiến tạo” liên ngành nhằm đưa học sinh, sinh viên từ những chủ thể thụ hưởng thành những người trực tiếp tái kiến tạo giá trị di sản. Kết quả nghiên cứu cung cấp cấu trúc nội dung tích hợp vào chương trình giáo dục địa phương, thúc đẩy việc bồi dưỡng năng lực số của đội ngũ sư phạm, xác lập mối liên kết hữu cơ giữa không gian học tập với mục tiêu phát triển du lịch văn hóa bền vững dựa vào cộng đồng tại địa phương. Đây là nền tảng lý thuyết và thực tiễn khoa học, mang tính ứng dụng cao và có tiềm năng nhân rộng cho công tác giáo dục và phát huy giá trị di sản lịch sử – văn hóa trong kỉ nguyên số.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baker, F. B., & Kim, S.-H. (2017). *The Basics of Item Response Theory Using R*. Springer. <https://doi.org/10.1007/978-3-319-54205-8>
- Bui, T. T. T. (2025). AI trong giáo dục liên ngành: Cơ hội và thách thức đối với nghệ thuật, thiết kế và văn hóa [AI in interdisciplinary education: Opportunities and challenges for art, design, and culture]. *Open University Journal of Science*, 908, 550-556. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.908>
- Can Tho City People's Committee. (2026). *Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử – văn hóa gắn với xây dựng học liệu giáo dục di sản cho học sinh, sinh viên thành phố Cần Thơ* [Preserving and Promoting the Values of Historical and Cultural Relics in Connection with Developing Heritage Education Resources for Students in Can Tho City]. Proceedings of the Scientific Seminar on Traditional History, Can Tho.
- Dobrovolska, R., Kdyrova, I., Demeshko, N., Dossanova, K., & Martsenkivska, O. (2025). Strategies for the preservation of cultural heritage through art and education: A comprehensive approach and evaluation of effectiveness. *International Journal on Culture, History, and Religion*, 7(1), 124-144. <https://doi.org/10.63931/ijchr.v7i1.98>
- Fontal, O., & Gómez-Redondo, C. (2016). Heritage Education and Heritagization Processes: SHEO Methodology for Educational Programs Evaluation. *Interchange*, 47(1), 65-90. <https://doi.org/10.1007/s10780-015-9269-z>
- Fontal, O., Ibañez-Etxeberria, A., Arias, V. B., & Arias, B. (2024). Q-Herilearn: Assessing heritage learning in digital environments. A mixed approach with factor and IRT models. *PLOS ONE*, 19(3), e0299733. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0299733>
- Guo, M. (2025). Bichronous modes in heritage education for enhancing motivation and learning outcomes via the ARCS model. *npj Heritage Science*, 13, Article 268. <https://doi.org/10.1038/s40494-025-01858-w>
- Keitumetse, S. O. (2014). Cultural Resources as Sustainability Enablers: Towards a Community-Based Cultural Heritage Resources Management (COBACHREM) Model. *Sustainability*, 6(1), 70-85. <https://doi.org/10.3390/su6010070>
- Kisler, R. (2026). Mapping heritage education: Historical knowledge and moral values. *Studies in Philosophy and Education*. <https://doi.org/10.1007/s11217-025-10037-0>
- Logan, R., & Sutter, G. (2012). Sustainability and Museum Education: What Future are we Educating for? *The International Journal of the Inclusive Museum*, 4(3), 11-26. <https://doi.org/10.18848/1835-2014/CGP/v04i03/44377>
- Marques, G. M. (2025). Heritage Education, Sustainability and Community Resilience: The HISTOESE Project-Based Learning Model. *Sustainability*, 17(21), Article 9891. <https://doi.org/10.3390/su17219891>
- Mendoza, R., Baldiris, S., & Fabregat, R. (2015). Framework to Heritage Education using Emerging Technologies. *Procedia Computer Science*, 75, 239-249. <https://doi.org/10.1016/j.procs.2015.12.244>
- Nguyen, T. T. L., & Do, T. P. (2024). Researching heritage in the education of traditional culture for university students in Vietnam: A case study of the historical relic of the Central Sector of the Imperial Citadel of Thang Long - Hanoi. *Brazilian Journal of Education, Technology and Society*, 17(se5), 157-172. <https://doi.org/10.14571/brajets.v17.se5.157-172>
- Nguyen, M. H., Nguyen, V. N., Le, T. H. N., Nguyen, P. M. H., Luu, T. M. C., Nguyen, M. P., Pham, H. A. P., & Lam, M. T. (2024). Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh về di sản văn hóa

- Việt Nam trong dạy học lịch sử dân tộc ở trường trung học phổ thông với sự hỗ trợ của thực tế ảo tăng cường (AR) [Organizing Experiential Activities on Vietnamese Cultural Heritage for National History Education in High Schools with the Support of Augmented Reality (AR)]. *Journal of Educational Equipment*, 1(312), 115-117.
- Nguyen, T. V. (2017). Một số biện pháp sử dụng di sản văn hóa trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông nhằm phát triển năng lực học sinh [Measures for Utilizing Cultural Heritage in History Teaching at High Schools to Develop Students' Competencies]. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 146, 86-89.
- Richards, G. (2020). Designing creative places: The role of creative tourism. *Annals of Tourism Research*, 85, 102922. <https://doi.org/10.1016/j.annals.2020.102922>
- Rizvic, S., Boskovic, D., Okanovic, V., Sljivo, S., & Zukic, M. (2019). Interactive digital storytelling: bringing cultural heritage in a classroom. *Journal of Computers in Education*, 6(1), 143-166. <https://doi.org/10.1007/s40692-018-0128-7>
- The Jamovi project. (2024). *Jamovi (Version 2.5)* [Computer Software]. <https://www.jamovi.org/>
- Vu, T. D., & Nguyen, N. M. (2024). Một số mô hình bảo tồn, phát huy giá trị di sản di tích khảo cổ học gắn với phát triển bền vững trên thế giới [Some Models for Preserving and Promoting the Values of Archaeological Heritage Linked to Sustainable Development Worldwide]. *Journal of Science and Technology - Dong Nai Technology University*, (01), 124-133.

A PROPOSED MODEL OF HERITAGE EDUCATION LEARNING MATERIALS FOR SCHOOL AND UNIVERSITY STUDENTS IN CAN THO CITY

Huỳnh Văn Sơn¹, Nguyễn Linh Phong^{1*},
Phan Hữu Tài², Nguyễn Đức Thanh¹, Trần Hồng Tham³

¹Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

²UK Academy, Vietnam

³Commission for Publicity of the Can Tho Municipal Party Committee, Vietnam

*Corresponding author: Nguyễn Linh Phong – Email: phongnl@hcmue.edu.vn

Received: July 08, 2026; Revised: July 16, 2026; Accepted: July 26, 2026

ABSTRACT

This study analyzes the theoretical foundations of heritage education and proposes a model of learning resources for students in Can Tho City. The model aims to bridge the gap between learners' awareness and actions in preserving and promoting the value of historical and cultural sites while responding to the demands of digital transformation. Employing a design-based research (DBR) approach, the study examines the characteristics of local historical and cultural sites in conjunction with theories of concurrent learning, project-based learning, and community-based heritage management. The findings yield an operational model built on three foundational pillars: (1) standardizing content based on quantifiable learning objectives and integrating it into the formal curriculum; (2) developing a multimedia digital learning ecosystem that incorporates virtual reality (VR), augmented reality (AR), and digital games to enhance learner motivation; and (3) establishing an interdisciplinary co-creation mechanism among educational institutions, heritage management agencies, and technology providers. The model suggests research-informed solutions for empowering learners as active co-creators of heritage value, thereby narrowing the gap between awareness and action and laying the foundation for sustainable cultural tourism in the digital era.

Keywords: blended learning; Can Tho; design-based research (DBR); heritage education